

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

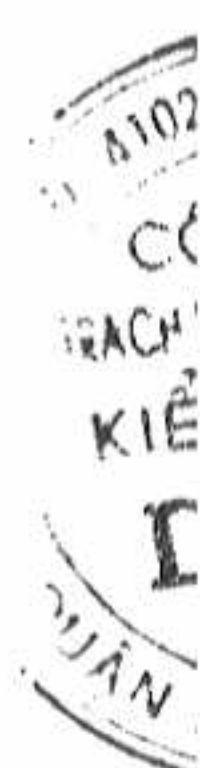


Crowe Horwath™

Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

Địa chỉ: 39B Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 6 công ty:

- + **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

Địa chỉ: Số 51 Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

- + **Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)**

Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

- + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

- + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)**

Địa chỉ: Số 2 Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

- + **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**

Địa chỉ: Số 18 Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

- + **Cty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)**

Địa chỉ: Tòa nhà Star Building, Số 33ter - 33bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 49,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
Ông Gok Hock Choy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

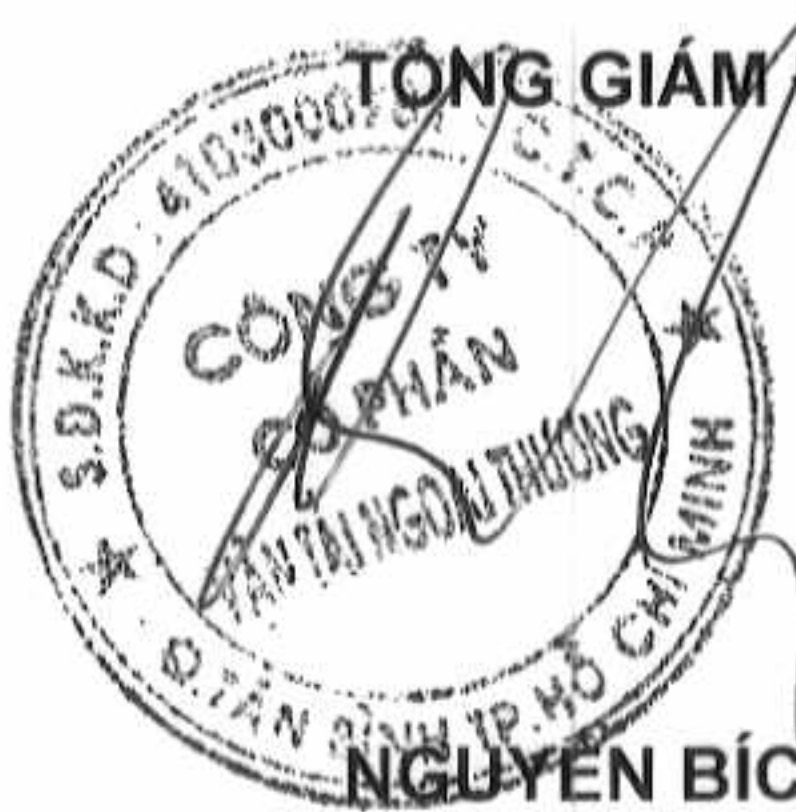
7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN



Số: 12.131/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 06 tháng 04 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 06 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.224.932.897	152.059.962.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	62.017.393.746	56.694.193.307
1. Tiền	111		32.256.048.282	33.150.110.178
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.761.345.464	23.544.083.129
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.124.712.000	8.879.108.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	1.124.712.000	8.879.108.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	65.291.849.647	59.818.904.968
1. Phải thu khách hàng	131		66.988.103.339	59.948.489.809
2. Trả trước cho người bán	132		370.433.992	134.789.694
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		2.095.603.977	1.336.770.139
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.162.291.661)	(1.601.144.674)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.790.977.504	26.667.756.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	1.800.972.499	629.190.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.734.188.123	1.815.099.189
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	31.255.816.882	24.223.467.263

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.623.386.260	76.992.335.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		6.879.865.895	5.334.027.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	5.339.608.141	5.269.163.007
+ Nguyên giá	222		13.112.263.426	11.719.101.009
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.772.655.285)	(6.449.938.002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.540.257.754	64.864.764
+ Nguyên giá	228		1.622.084.179	87.672.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.826.425)	(22.807.956)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	71.493.146.007	66.660.352.385
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		61.266.422.680	50.478.467.058
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.522.755.327	16.581.885.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(296.032.000)	(400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.250.374.358	4.997.955.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	2.032.097.298	684.613.959
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.10)	4.218.277.060	4.313.341.262
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		249.848.319.157	229.052.298.342

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.950.929.872	97.057.721.255
I. Nợ ngắn hạn	310		97.486.266.863	90.817.062.846
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	5.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312	(5.12)	58.056.950.469	48.992.114.625
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	10.095.681.186	15.910.081.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	5.697.214.300	13.345.231.362
5. Phải trả người lao động	315	(5.14)	1.927.198.821	2.424.706.116
6. Chi phí phải trả	316	(5.15)	6.596.489.224	3.246.391.609
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.16)	7.042.537.604	3.153.177.563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.17)	3.070.195.259	3.745.360.038
II. Nợ dài hạn	330		7.464.663.009	6.240.658.409
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.18)	6.985.561.316	5.796.418.216
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		404.093.950	248.377.826
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		75.007.743	195.862.367
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.034.251.828	126.636.508.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	142.034.251.828	126.636.508.880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.634.566.400	2.634.566.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.518.523.655	1.023.359.698
4. Cổ phiếu quỹ	414		(334.785.778)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.429.765.250	1.448.552.240
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.589.888.504	2.874.954.185
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		142.604.845	142.604.845
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		855.980.776	557.635.192
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.19.6)	75.197.708.176	62.109.836.320
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.20)	2.863.137.457	5.358.068.207
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		249.848.319.157	229.052.298.342

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		1.742.854,00	1.549.419,94
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

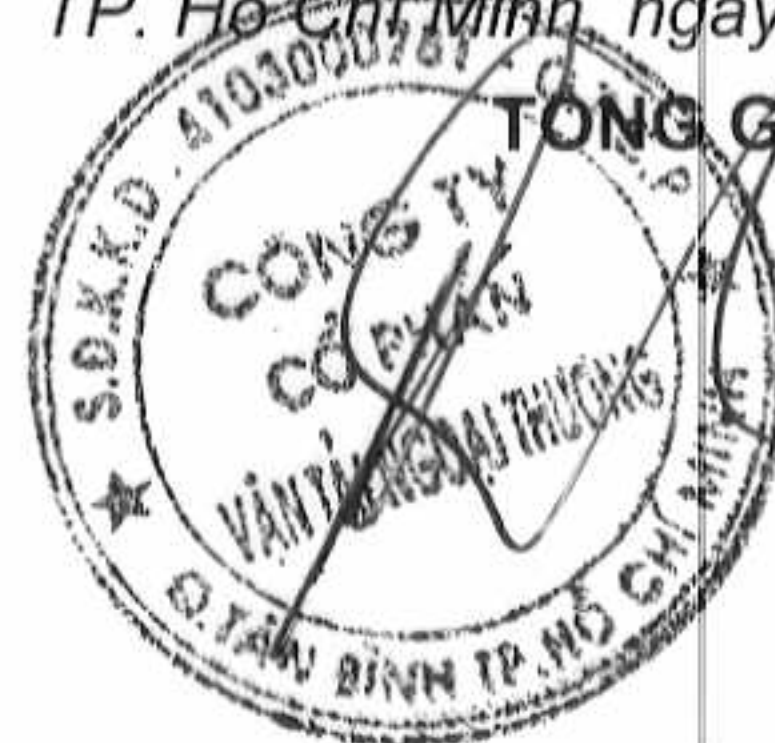
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		651.759.672.971	775.485.218.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.530.332.375	311.478.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	650.229.340.596	775.173.740.016
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	614.196.207.737	706.716.471.427
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.033.132.859	68.457.268.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	21.176.329.223	19.513.781.736
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	6.538.591.975	12.502.065.078
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		311.666.668	15.000.000
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	19.406.891.836	14.683.717.419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.263.978.271	60.785.267.828
11. Thu nhập khác	31		13.240.990	54.172.850
12. Chi phí khác	32		22.200.442	
13. Lợi nhuận khác	40		(8.959.452)	54.172.850
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		3.940.669.365	6.859.269.031
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.195.688.184	67.698.709.709
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.556.841.243	13.487.975.554
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.638.846.941	54.210.734.155
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		567.316.133	3.857.545.973
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		29.071.530.808	50.353.188.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.19.5)	5.206	9.017

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.195.688.184	67.698.709.709
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.598.671.894	1.232.254.067
Các khoản dự phòng	03		2.857.178.987	1.315.185.322
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(871.716.074)	(3.291.030.574)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.701.082.119)	(13.089.169.673)
Chi phí lãi vay	06		311.666.668	15.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.390.407.540	53.880.948.851
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.478.289.655	(19.911.320.536)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(14.410.126.938)	24.895.841.946
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.519.265.600)	(661.816.423)
Tiền lãi vay đã trả	13		(233.750.001)	(15.000.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.530.516.744)	(3.093.078.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.367.905.340	8.415.634.180
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(28.009.568.528)	(25.832.816.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(1.466.625.276)	37.678.393.234
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.166.710.460)	(1.129.433.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.181.818	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(13.277.762.000)	(21.518.352.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.262.000.000	18.292.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.366.321.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.590.806.378	6.180.930.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.053.194.736	2.225.144.623

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.000.000.000	1.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(1.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.577.709.000)	(10.279.254.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.577.709.000)	(10.279.254.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.008.860.460	29.624.283.357
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.694.193.307	26.501.717.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.314.339.979	568.191.974
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		62.017.393.746	56.694.193.307

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty mẹ:**

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương

Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

Địa chỉ: 39B Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:

+ Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)

Địa chỉ: Số 51 Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

+ Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

+ Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

Địa chỉ: Số 2 Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18 Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

+ Cty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)

Địa chỉ: Tòa nhà Star Building, Số 33ter - 33bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 49,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

1.4. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất có báo tài chính riêng chưa được kiểm toán

+ Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

+ Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18 Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 1 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+	Máy móc, thiết bị	03 năm
+	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
+	Phần mềm vi tính	03 - 10 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được lập vào cuối năm tài chính theo quy định. Công ty mẹ trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Công ty con trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định của Luật Lao động Việt Nam.

4.9. Lương

Căn cứ theo quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2011, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ - ĐH ĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tập đoàn ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính được phát hành.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

▪ Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Thuế GTGT được khấu trừ	1.815.099.189	114.415.358
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	1.700.683.831

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.134.127.283	2.242.234.859
Tiền gửi ngân hàng	27.121.920.999	30.907.875.319
Các khoản tương đương tiền	29.761.345.464	23.544.083.129
Tổng cộng	62.017.393.746	56.694.193.307

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi đang được cầm cố tại ngân hàng là 382.000.000 đồng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tương đương 54.000 USD.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	66.988.103.339	59.948.489.809
Trả trước cho người bán	370.433.992	134.789.694
Các khoản phải thu khác	2.095.603.977	1.336.770.139
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	69.454.141.308	61.420.049.642
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.162.291.661)	(1.601.144.674)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	65.291.849.647	59.818.904.968

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu thường vượt doanh số của các hãng hàng không	1.003.562.606	-
Phải thu thuế nhà thầu của các hãng hàng không	459.773.517	276.332.231
Phải thu về khoản cho Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na vay, lãi suất 0%	372.352.500	372.352.500
Phải thu về khoản chi hộ phí làm hàng	226.023.401	637.408.113
Khác	33.891.953	50.677.295
Cộng	2.095.603.977	1.336.770.139

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	701.577.608	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	209.857.582	418.107.801
Chi phí khác chờ phân bổ	889.537.309	211.082.437
Tổng cộng	1.800.972.499	629.190.238

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	30.297.644.730	23.514.353.250
Tạm ứng	958.172.152	709.114.013
Tổng cộng	31.255.816.882	24.223.467.263

Ký quỹ ngắn hạn bao gồm các khoản đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không, thẻ Master Card và thẻ taxi.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	4.565.664.591	11.719.101.009
Mua trong năm	-	-	-	1.632.299.001	1.632.299.001
Thanh lý trong năm	-	(30.070.091)	-	(209.066.493)	(239.136.584)
Số dư cuối năm	3.337.273.150	-	3.786.093.177	5.988.897.099	13.112.263.426
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.005.565.091	30.070.091	1.951.306.997	2.462.995.823	6.449.938.002
Khấu hao trong năm	220.130.220	-	251.763.648	1.067.759.557	1.539.653.425
Thanh lý trong năm	-	(30.070.091)	-	(186.866.051)	(216.936.142)
Số dư cuối năm	2.225.695.311	-	2.203.070.645	3.343.889.329	7.772.655.285
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.331.708.059	-	1.834.786.180	2.102.668.768	5.269.163.007
Tại ngày cuối năm	1.111.577.839	-	1.583.022.532	2.645.007.770	5.339.608.141

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.583.807.986 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục

Phần mềm
vi tính

Nguyên giá

Số dư đầu năm

87.672.720

Mua trong năm

1.534.411.459

Số dư cuối năm

1.622.084.179

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm

22.807.956

Khấu hao trong năm

59.018.469

Số dư cuối năm

81.826.425

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm

64.864.764

Tại ngày cuối năm

1.540.257.754

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Cuối năm

Đầu năm

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

61.266.422.680

50.478.467.058

Đầu tư dài hạn khác

10.522.755.327

16.581.885.327

Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn

71.789.178.007

67.060.352.385

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

(296.032.000)

(400.000.000)

Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn

71.493.146.007

66.660.352.385

(Phần tiếp theo ở trang 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2011	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2011
Tạp Chí Vietnam Logistics Review (Logistics Review)	90,00%	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Cargo Flights Việt Nam (Cargo Flights)	45,90%	908.412.000	1.538.981.874
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Hàng Không Toàn Cầu Việt Nam (Globe Air Cargo)	44,10%	5.145.641.000	1.916.752.974
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)	51,00%	1.623.330.000	3.714.626.517
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	48,90%	6.059.362.500	22.701.390.715
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)	40,00%	800.000.000	991.860.205
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000	7.217.173.258
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	24,12%	13.200.000.000	20.964.957.137
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000	-
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)	49,00%	2.220.680.000	2.220.680.000
Cộng		35.973.425.500	61.266.422.680

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Công ty Nissin	31,00%	3.229.270.000
Cộng		10.522.755.327

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.610.701.687	557.481.319
Chi phí khác chờ phân bổ	421.395.611	127.132.640
Tổng cộng	2.032.097.298	684.613.959

5.10. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng TP. Hồ Chí Minh	3.857.317.200	4.035.190.122
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	338.394.960	256.786.240
Ký quỹ khác	22.564.900	21.364.900
Tổng cộng	4.218.277.060	4.313.341.262

5.11. Vay ngắn hạn

Đây là khoản vay Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans), chịu lãi suất 18,7%/năm trong 3 tháng và được bảo lãnh bằng hình thức thế chấp sổ cổ đông của Công ty tại Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng).

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	58.056.950.469	48.992.114.625
Người mua trả tiền trước	10.095.681.186	15.910.081.533
Tổng cộng	68.152.631.655	64.902.196.158

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	315.092.582	555.240.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.523.266.808	11.496.942.309
Thuế thu nhập cá nhân	679.170.731	1.139.676.022
Các loại thuế khác	179.684.179	153.372.423
Tổng cộng	5.697.214.300	13.345.231.362

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14. Phải trả người lao động

Là tiền thưởng năm 2011 phải trả người lao động.

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	5.201.754.409	2.105.574.267
Chi phí khác	1.394.734.815	1.140.817.342
Tổng cộng	6.596.489.224	3.246.391.609

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	207.436.613	101.247.696
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty mẹ	133.881.000	385.513.500
Lợi nhuận phân phối phải trả cho Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương	3.000.000.000	360.000.000
Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	1.350.118.401	1.472.325.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.918.237.208	378.640.000
Khác	432.864.382	455.450.375
Tổng cộng	7.042.537.604	3.153.177.563

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.745.360.038	3.662.276.080
Trích lập trong năm	2.448.000.000	5.232.974.198
Sử dụng trong năm	(3.123.164.779)	(5.037.112.460)
Giảm khác	-	(112.777.780)
Số dư cuối năm	3.070.195.259	3.745.360.038

5.18. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ cược vận chuyển	3.280.410.000	2.981.790.000
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	3.685.151.316	2.794.628.216
Khác	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	6.985.561.316	5.796.418.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.634.566.400	513.312.022	(155.000.000)	910.273.644	1.285.256.732	520.285.154	268.004.869	27.952.298.899	89.928.997.720
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	50.353.188.182	50.353.188.182
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	510.047.676	-	538.278.596	571.697.453	17.319.691	289.630.323	(124.586.343)	1.802.387.396
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	623.000.000	-	-	-	623.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	395.000.000	-	250.000.000	197.009.780	842.009.780
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(395.000.000)	(250.000.000)	(16.268.074.198)	(16.913.074.198)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.634.566.400	1.023.359.698	(155.000.000)	1.448.552.240	2.874.954.185	142.604.845	557.635.192	62.109.836.320	126.636.508.880
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	29.071.530.808	29.071.530.808
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	495.163.957	(179.785.778)	981.213.010	214.934.319	-	298.345.584	(1.903.058.952)	(93.187.860)
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(14.080.600.000)	(14.080.600.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.634.566.400	1.518.523.655	(334.785.778)	2.429.765.250	3.589.888.504	142.604.845	855.980.776	75.197.708.176	142.034.251.828

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.19.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	11.217.709.000	10.279.254.500
Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011:		
- Cổ tức năm 2010 được công bố là 20% (trong đó 10% được chia trong năm 2010, 10% được chia trong năm 2011). - Cổ tức năm 2011 sẽ được công bố trong đại hội cổ đông năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10%.		

5.19.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	29.071.530.808	50.353.188.182
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.206	9.017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.19.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	62.109.836.320	27.952.298.899
Chia cổ tức năm trước	(5.584.500.000)	(4.467.600.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	29.071.530.808	50.353.188.182
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(500.000.000)	(623.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.411.600.000)	(4.841.776.778)
Chia cổ tức năm nay	(5.584.500.000)	(5.584.500.000)
Tăng (giảm) khác	(1.903.058.952)	(678.773.983)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>75.197.708.176</u>	<u>62.109.836.320</u>

5.20. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation), có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu là 10%.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.358.068.207	2.137.661.389
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	567.316.133	3.857.545.973
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(36.400.000)	(391.197.420)
Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số	(3.000.000.000)	(360.000.000)
Tăng khác	(25.846.883)	114.058.265
Số dư cuối năm	<u>2.863.137.457</u>	<u>5.358.068.207</u>

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu - Phòng hàng không	493.655.870.884	642.820.518.877
Doanh thu - Phòng đường biển	56.451.091.684	71.444.675.299
Doanh thu - Phòng Logistics	21.593.839.356	17.688.593.939
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	33.814.461.499	12.929.621.849
Doanh thu - Phòng Bình Dương	83.727.645	2.221.666.288
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	4.783.981.333	5.078.488.038
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	19.837.786.579	14.762.448.257
Doanh thu khác	<u>20.008.581.616</u>	<u>8.227.727.469</u>
Doanh thu thuần	<u>650.229.340.596</u>	<u>775.173.740.016</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	27.091.025.389	25.483.117.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	905.935.088	1.388.268.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.341.374.160	983.495.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.662.730.852	654.815.714.898
Chi phí bằng tiền khác	<u>44.195.142.248</u>	<u>24.045.875.821</u>
Tổng cộng	<u>614.196.207.737</u>	<u>706.716.471.427</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.404.897.845	13.283.881.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.369.877.766	4.560.768.858
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>3.401.553.612</u>	<u>1.669.131.784</u>
Tổng cộng	<u>21.176.329.223</u>	<u>19.513.781.736</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.930.893.307	12.130.204.020
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	296.032.000	400.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(43.138.942)
Chi phí lãi vay	311.666.668	15.000.000
Tổng cộng	6.538.591.975	12.502.065.078

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.341.319.379	5.804.694.731
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.881.636	224.976.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.297.734	248.758.840
Thuế, phí và lệ phí	45.579.115	1.000.000
Chi phí dự phòng	2.774.448.018	993.648.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.780.000	-
Chi phí bằng tiền khác	8.814.585.954	7.410.638.530
Tổng cộng	19.406.891.836	14.683.717.419

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	34.432.344.768	31.287.811.754
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.037.816.724	1.613.245.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.598.671.894	1.232.254.067
Chi phí dự phòng	2.774.448.018	993.648.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.704.510.852	654.815.714.898
Chi phí bằng tiền khác	53.055.307.317	31.457.514.351
Tổng cộng	633.603.099.573	721.400.188.846

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

Lương Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.093.120.000	1.048.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị	278.500.000	243.953.848
Tổng cộng	1.371.620.000	1.292.453.848

8. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.017.393.746	56.694.193.307
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.201.726.784	58.719.697.635
Đầu tư ngắn hạn	1.124.712.000	8.879.108.000
Đầu tư dài hạn	10.226.723.327	16.581.885.327
Tài sản tài chính khác	34.515.921.790	27.827.694.512
Tổng cộng	172.086.477.647	168.702.578.781
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	79.758.656.067	70.641.725.529
Chi phí phải trả	5.882.978.844	2.446.391.609
Tổng cộng	90.641.634.911	73.088.117.138

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tập đoàn không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	2.187.241,64	2.570.594,15	3.866.344,61	4.207.396,59
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	18.328,58	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	79.738.656.067	20.000.000	79.758.656.067
Chi phí phải trả	5.882.978.844	-	5.882.978.844
31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	70.621.725.529	20.000.000	70.641.725.529
Chi phí phải trả	2.446.391.609	-	2.446.391.609

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.201.726.784	-	64.201.726.784
Đầu tư ngắn hạn	1.124.712.000	-	1.124.712.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.226.723.327	10.226.723.327
Tài sản tài chính khác	30.297.644.730	4.218.277.060	34.515.921.790

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.719.697.635	-	58.719.697.635
Đầu tư ngắn hạn	8.879.108.000	-	8.879.108.000
Đầu tư dài hạn khác	-	16.581.885.327	16.581.885.327
Tài sản tài chính khác	23.514.353.250	4.313.341.262	27.827.694.512

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 06 tháng 04 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN